

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 11 - 2018

V/v Ly hôn giữa ông L và bà Nh

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiến

2. Bà Tô Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Trần Thị Hoàn kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2018/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐST- HNGĐ ngày 26/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Giang Văn L, sinh năm 1968

Nơi cư trú: thôn VTĐ, xã TH, huyện TT, Thái Bình.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1968

Nơi cư trú: thôn VTĐ, xã TH, huyện TT, Thái Bình.

(Ông Giang Văn L có mặt tại phiên tòa, bà Phạm Thị Nh vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là ông Giang Văn L trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Ông và bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1968, quê quán ở xã T, huyện TT tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 12/10/1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do tính tình không hợp, ông và bà Nh không thể bàn bạc được bất cứ việc gì chung để xây dựng gia đình. Bà Nh đi đâu, làm gì ông không được biết, cuộc sống chung của vợ chồng không có tình cảm, không có sự gắn kết với nhau. Do tình cảm rạn nứt đã lâu, ông đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án nhưng do được hòa giải nên đã

rút đơn về. Nay ông xác định không thể tiếp tục cùng chung sống với bà Nh nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Nh.

2. *Về con chung*: Ông và bà Nh không có con chung. Trước khi kết hôn với bà Nhất ông có 01 con riêng vợ đã ly hôn là Lê Thị V, con riêng của ông Là Giang Công A, sinh ngày 11/02/1996. Ông xác định ông và bà Nh có quan hệ nuôi dưỡng con Giang Công A từ năm 1997 nhưng hiện nay con đã thành niên, đã tự lập cuộc sống nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng.

3. *Về phần tài sản*: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.

- Bà Phạm Thị Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa nên Tòa án không thu thập ý kiến của bà Phạm Thị Nh.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đã phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông Giang Văn L ly hôn bà Phạm Thị Nh; Về con chung: Không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về hôn nhân*:

Ông Giang Văn L và bà Phạm Thị Nh kết hôn hợp pháp. Do tính tình không hợp nên trong cuộc sống chung của ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện nay ông L, bà Nh không còn quan tâm đến nhau, không còn có trách nhiệm vun vén xây dựng hạnh phúc gia đình với nhau, ai biết bổn phận của người đó. Mặc dù đã được hòa giải nhưng ông Lạc vẫn giữ ý kiến đề nghị giải quyết ly hôn bà Nh. Xét thấy tình cảm vợ chồng phải từ hai phía, hiện giữa ông L và bà Nh đã có những mâu thuẫn căng thẳng không thể hòa giải đoàn tụ nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông L ly hôn bà Nh.

[2]. *Về con chung*: Ông L và bà Nh không có con chung. Có quan hệ nuôi dưỡng Giang Công A, sinh ngày 11/02/1996 (là con riêng của ông Giang Văn L) nhưng hiện nay con Giang Công A đã thành niên, đã tự lập cuộc sống nên không đặt ra việc giải quyết về việc nuôi dưỡng.

[3]. *Về phần tài sản*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: ông Giang Văn L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho ông Giang Văn L ly hôn bà Phạm Thị Nh;

2. Về nuôi con chung: Ông Giang Văn L và bà Phạm Thị Nh không có con chung. Có quan hệ nuôi dưỡng Giang Công A, sinh ngày 11/02/1996 (là con riêng của ông Giang Văn L) nhưng hiện con Giang Công A đã thành niên, đã tự lập cuộc sống nên không đặt ra việc giải quyết về việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là ông Giang Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền được 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai số 0001560 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Ông Giang Văn L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Ông Giang Văn L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đặt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã TH;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

